

Số: 1865/TB-STNMT

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021

Đơn vị được thông báo: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán năm 2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 28/4/2022 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận;

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: Không.

b) Quyết toán chi ngân sách: Không.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán: Không.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 3.741.608.640 đồng, trong đó:

+ Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: 0 đồng;

+ Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng;

+ Trích lập các quỹ: 3.741.608.640 đồng;

* Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp: 1.417.885.829 đồng;

* Quỹ Bổ sung thu nhập: 1.963.722.811 đồng;

* Quỹ Phúc lợi: 150.000.000 đồng;

* Quỹ Khen thưởng: 210.000.000 đồng.

+ Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu 2b đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

Đơn vị lập báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định. Số liệu, chứng từ và sổ sách rõ ràng; các nội dung chi đúng theo định mức và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Kiến nghị: Không. *kal*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Trung tâm PTQĐ;
- GD và P.GD Sở (L.N.Thạch);
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC *ky*

Nguyễn Văn Quế

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH NINH THUẬN



Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số tiền
A	B	C	1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp		
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	
	a. Từ NSNN cấp	02	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04	
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	
	a. Chi phí hoạt động	06	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08	
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Doanh thu	10	9.160.135.307
2	Chi phí	11	5.418.526.667
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	3.741.608.640
III	Hoạt động tài chính		
1	Doanh thu	20	
2	Chi phí	21	
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	
IV	Hoạt động khác		
1	Thu nhập khác	30	
2	Chi phí khác	31	
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	
V	Chi phí thuế TNDN	40	0
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	3.741.608.640
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	
2	Phân phối cho các quỹ	52	3.741.608.640
2.1	Quỹ phát triển HDSN		1.417.885.829
2.2	Quỹ bổ sung thu nhập		1.963.722.811
2.3	Quỹ khen thưởng		210.000.000
2.4	Quỹ phúc lợi		150.000.000
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	0